

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/KDTM-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nguyệt và ông Đoàn Anh Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Cảnh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 31/2021/TLST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-DS ngày 11/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quốc tế C; địa chỉ: Tầng 28, cao ốc SG Trade Centre, số 37 TĐT, phường BN, Quận A, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tiêu Quang L, sinh năm 1998; chức vụ: Nhân viên phòng xử lý nợ thuộc Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quốc tế C (Giấy ủy quyền ngày 12/3/2021); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng BGH; địa chỉ: Số 59/27, khu phố BP, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Viết B, sinh năm 1982; chức vụ: Giám đốc công ty; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Viết B, sinh năm 1982 và bà Trần Thị D, sinh năm 1985; cùng địa chỉ thường trú: Thôn 7, xã YP, huyện YĐ, tỉnh TH; địa chỉ liên lạc: Số 59/27, khu phố BP, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quốc tế C (sau đây gọi tắt là Công ty cho thuê tài chính C) và Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng

BGH (sau đây gọi tắt là Công ty Xây dựng BGH) do ông Phạm Viết B, chức vụ: Giám đốc, người đại diện theo pháp luật đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C190129602 ngày 30/01/2019 với nội dung như sau:

Công ty cho thuê tài chính C cho Công ty Xây dựng BGH thuê các tài sản gồm: 01 rầm cầu trục 2,8 tấn; 01 rầm cầu trục 2 tấn; 01 máy uốn ống hiệu TOSHIBA; 01 máy bắn bi; 01 máy gá kéo và 01 máy đột 5 chức năng. Hợp đồng C190129602 có thời hạn là 36 tháng từ ngày 22/02/2019 đến 25/02/2022, tổng giá trị của các tài sản cho thuê tài chính là 973.546.134 đồng, trong đó Công ty BGH trả trước 292.063.840 đồng ("*Tiền trả trước*") số tiền mà Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế C tài trợ vốn ("*Giá trị thuê*") là 681.482.294 đồng. Thời gian thuê bắt đầu từ ngày 22/02/2019 và kết thúc vào ngày 25/02/2022. Tổng số tiền vốn gốc và lãi thuê tạm tính theo Thông báo bắt đầu thuê là 781.455.902 đồng. Lịch trình và số tiền thanh toán cụ thể bắt đầu từ ngày 22/02/2019 cho đến ngày 25/02/2022.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty Xây dựng BGH theo hợp đồng thuê, ông Phạm Viết B và bà Trần Thị D đã ký kết Thư bảo lãnh cá nhân đề ngày 30/01/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Xây dựng BGH đã thanh toán tổng số tiền là 407.110.530 đồng, còn nợ số tiền tính đến ngày 29/8/2022 là 500.543.396 đồng.

Do đó, yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Thuận An giải quyết như sau:

- Buộc Công ty Xây dựng BGH thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính C số tiền thuê còn nợ (tạm tính đến ngày 29/8/2022) là 500.543.396 đồng (*Năm trăm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng*). Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 335.966.913 đồng; nợ lãi trong hạn (từ ngày 22/02/2019 đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 26/6/2020) là 73.436.584 đồng; nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 27/6/2020 đến ngày 29/8/2022 là 91.139.899 đồng.

- Buộc Công ty Xây dựng BGH phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính C tiền lãi phát sinh từ ngày 29/8/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp Công ty Xây dựng BGH không thanh toán được số tiền thuê còn nợ thì buộc ông Phạm Viết B và bà Trần Thị D thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký ngày 30/01/2019 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

(Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản sao các tài liệu chứng cứ gồm có: Hợp đồng cho thuê tài chính số C190129602 ngày 30/01/2019; Hợp đồng mua bán tài sản số C190129602-PC ngày 30/01/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000318 ngày 18/02/2019; Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê ngày 22/02/2019; Thông báo bắt đầu thuê và Lịch trình thanh toán tiền thuê ngày 30/01/2019 của Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Gia Huy; Thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê đề ngày 23/6/2020; Thông báo yêu cầu thanh toán đề ngày 26/6/2020; Thư yêu cầu thanh toán đề ngày 11/3/2021; Bảng kê các khoản phải thu của Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Gia Huy và Thư bảo lãnh cá nhân ngày 30/01/2019 của ông Phạm Viết Bình và bà Trần Thị Dung)

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, cũng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện 02 năm theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại.

- Về nội dung: Theo các chứng cứ do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giao nộp thì giữa các đương sự đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C190129602 ngày 30/01/2019 với nội dung: Công ty TNHH cho thuê tài chính Một thành viên quốc tế C cho Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng BGH thuê các tài sản gồm: 01 rầm cầu trục 2,8 tấn; 01 rầm cầu trục 2 tấn; 01 máy uốn ống hiệu TOSHIBA; 01 máy bắn bi; 01 máy gá kéo và 01 máy đột 5 chức năng với tổng giá trị của các tài sản cho thuê là 973.546.134 đồng, trong đó Công ty Xây dựng BGH trả trước 292.063.840 đồng, số tiền thuê là 681.482.294 đồng; thời hạn của hợp đồng là 36 tháng kể từ ngày 22/02/2019 đến 25/02/2022. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty B GH theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Viết B và bà Trần Thị D đã có Thư bảo lãnh cá nhân đề ngày 30/01/2019.

Hợp đồng cho thuê tài chính số C190129602 ngày 30/01/2019 phù hợp với quy định tại Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về Công ty tài chính. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Xây dựng BGH đã thanh toán tổng số tiền là 407.110.530 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tính đến ngày 29/8/2022 là 500.543.396 đồng gồm: Nợ gốc là 335.966.913 đồng; nợ lãi trong hạn từ ngày 22/02/2019 đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 26/6/2020 là 73.436.584 đồng; nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 27/6/2020 đến ngày 29/8/2022 là 91.139.899 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng thuê tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hợp đồng giữa các bên được thực hiện tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn yêu cầu TAND thành phố Thuận An giải quyết. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đại diện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại Công văn số 838/ĐKKD ngày 01/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin như sau: Căn cứ hồ sơ doanh nghiệp đăng ký lưu trữ tại Phòng đăng ký kinh doanh và Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN xây dựng BGH, mã số doanh nghiệp 3701989034, đăng ký lần đầu ngày 05/11/2012; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/4/2019; địa chỉ trụ sở chính: Số 59/27, khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An,

tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Viết B; chức danh: Chủ tịch Công ty; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã YP, huyện YĐ, tỉnh TH; chỗ ở hiện tại: Số 59/27, khu phố BP, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng BGH cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền thuê tính đến ngày 29/8/2022 là 500.543.396 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng cho thuê tài chính số C190129602 ngày 30/01/2019 có nội dung như sau: Công ty cho thuê tài chính C cho Công ty Xây dựng BGH thuê các tài sản gồm: 01 rầm cầu trục 2,8 tấn; 01 rầm cầu trục 2 tấn; 01 máy uốn ống hiệu TOSHIBA; 01 máy bắn bi; 01 máy gá kéo và 01 máy đột 5 chức năng với tổng giá trị của các tài sản cho thuê là 973.546.134 đồng, trong đó Công ty BGH trả trước 292.063.840 đồng, số tiền thuê là 681.482.294 đồng; thời hạn của hợp đồng là 36 tháng kể từ ngày 22/02/2019 đến 25/02/2022.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty Xây dựng BGH theo Hợp đồng thuê, ông Phạm Viết B và bà Trần Thị D đã có Thư bảo lãnh cá nhân đề ngày 30/01/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Xây dựng BGH đã thanh toán tổng số tiền là 407.110.530 đồng, sau đó không thanh toán theo thỏa thuận. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã gửi cho bị đơn các văn bản gồm: Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê đề ngày 23/6/2020. Nguyên đơn ban hành thông báo chấm dứt Hợp đồng cho thuê tài chính số C190129602 ngày 30/01/2019 phù hợp với quy định tại Điều 21 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về hoạt động của Công ty tài chính. Như vậy, Hợp đồng cho thuê tài chính số C190129602 ngày 30/01/2019 chấm dứt từ ngày 23/6/2020.

Nguyên đơn cũng đã gửi cho bị đơn Thông báo yêu cầu thanh toán đề ngày 26/6/2020 và Thư yêu cầu thanh toán đề ngày 11/3/2021. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không thanh toán tiền thuê theo thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tính đến ngày 29/8/2022 là 500.543.396 đồng bao gồm: Nợ gốc là 335.966.913 đồng; nợ lãi trong hạn từ ngày 22/02/2019 đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 26/6/2020 là 73.436.584 đồng; nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 27/6/2020 đến ngày 29/8/2022 là 91.139.899 đồng. Xét thấy, Hợp đồng cho thuê tài chính số C190129602 ngày 30/01/2019 có nội dung và mức lãi suất phù hợp với quy định tại các điều 108, 111 và 112 của Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010; sửa đổi, bổ sung ngày 20/11/2017 và các điều 13, 16 của Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về hoạt động của Công ty tài chính.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

không giao nộp chứng cứ thể hiện việc đã thanh toán nợ cho nguyên đơn. Do đó, được coi là thừa nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ sự phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bị đơn phải trả số tiền là 500.543.396 đồng.

Ngoài ra, buộc Công ty Xây dựng BGH thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính C tiền lãi phát sinh từ ngày 29/8/2022 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty Xây dựng BGH không thanh toán được số tiền thuê còn nợ thì buộc ông Phạm Việt B và bà Trần Thị D thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính C theo nội dung Thư bảo lãnh đề ngày 30/10/2019 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng đã nộp; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 30, 39, 40, 91, 92, 96, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357; khoản 2 Điều 468; các điều 472, 473, 474 và 481 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các điều 306 và 319 của Luật Thương mại năm 2005;
- Các điều 108, 111 và 112 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Các điều 13, 16 và 21 Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về hoạt động của Công ty tài chính;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quốc tế C với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng BGH về việc: “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”.
2. Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng BGH phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quốc tế C số tiền 500.543.396 đồng (*Năm trăm triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi sáu đồng*).
3. Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng BGH không thanh toán được số tiền thuê còn nợ thì ông Phạm Việt B và bà Trần Thị D phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quốc tế C theo nội dung Thư bảo lãnh đề ngày 30/10/2019 cho đến khi thanh toán hết

toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng cho thuê tài chính số C190129602 ngày 30/01/2019 giữa Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quốc tế C và Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng BGH tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Trả lại Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quốc tế C cho số tiền 12.612.578đ (*Mười hai triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001761 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.2 Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng BGH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 24.022.000đ (*Hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Hưng